

2. Dự báo chất lượng nước ngày 11/06÷17/06/2025

Kết quả dự báo các chỉ số chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, TN. Bảng giá trị dự báo các thông số được thể hiện dưới đây:

2.1. Độ mặn

Độ mặn trong tuần dự báo dao động từ 0,11÷18,61‰, có xu hướng giảm so với tuần trước. Tại tiểu vùng ngọt hóa, độ mặn duy trì ở mức phù hợp trồng lúa. Tại tiểu vùng chuyển đổi, độ mặn vị trí QL10 một số thời điểm trong tuần có độ mặn thấp dưới mức 4‰, chưa hoàn toàn thích hợp nuôi tôm.

Bảng 1: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 11/06÷17/06/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							‰	
		11/06	12/06	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	0,46	0,47	0,48	0,49	0,51	0,52	0,73	0,46	0,73
QL2		1,09	1,08	1,06	1,04	1,02	1,00	0,98	0,98	1,09
QL8		1,08	1,47	0,92	0,53	0,83	1,26	1,44	0,53	1,47
QL9		0,17	0,14	0,22	0,11	0,30	0,26	0,24	0,11	0,30
QL13		0,16	0,20	0,14	0,23	0,19	0,15	0,29	0,14	0,29
QL3	Chuyển đổi	17,92	18,27	18,46	18,04	18,08	18,07	17,95	17,92	18,46
QL4		14,85	14,84	15,13	15,57	15,96	16,36	16,66	14,84	16,66
QL5		18,59	18,34	18,05	17,74	17,44	17,63	18,61	17,44	18,61
QL6		13,67	13,37	13,90	14,14	15,01	15,16	16,90	13,37	16,90
QL7		18,39	18,52	18,22	17,34	16,89	16,28	17,49	16,28	18,52
QL10		4,86	4,84	3,52	2,33	2,10	2,23	2,20	2,10	4,86
QL11		17,32	17,16	16,75	15,91	14,45	14,87	15,17	14,45	17,32
QL12		13,26	13,37	13,26	12,79	12,70	12,80	12,76	12,70	13,37
Ranh mặn		<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Kết quả dự báo hàm lượng DO trong tuần dao động trong khoảng 3,26÷6,21 mg/l, ổn định so với tuần trước. Hầu hết các vị trí đều có hàm lượng DO đạt QCVN08:2023/BTNMT, Bảng 2 mức B đảm bảo nhu cầu cấp nước canh tác nông nghiệp. Một vài vị trí quan trắc trong tiểu vùng chuyển đổi có mức DO < 5mg/l, trừ. Cần chú ý tăng hàm lượng Oxy trong nước để đảm bảo sức khỏe của đối tượng nuôi.

Bảng 2: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 11/06÷17/06/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		04/06	05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	3,31	3,36	3,41	3,47	3,54	3,62	3,68	3,31	3,68
QL2		5,37	5,28	5,12	5,02	4,98	4,94	4,91	4,91	5,37
QL8		5,11	5,11	5,07	5,07	5,06	5,07	5,09	5,06	5,11
QL9		5,37	5,37	5,37	5,37	5,37	5,37	5,37	5,37	5,37
QL13		5,73	5,72	5,71	5,63	5,56	5,55	5,60	5,55	5,73
QL3	Chuyển	4,62	4,68	4,74	4,77	4,77	4,74	4,69	4,62	4,77

QL4	đôi	6,21	6,21	6,21	6,21	6,20	6,17	6,18	6,17	6,21
QL5		5,93	5,91	5,88	5,87	5,86	5,86	5,86	5,86	5,93
QL6		3,57	3,97	4,16	4,21	4,19	4,08	3,92	3,57	4,21
QL7		4,79	4,72	4,68	4,65	4,63	4,63	4,68	4,63	4,79
QL10		5,08	5,06	5,05	5,03	5,01	4,99	4,98	4,98	5,08
QL11		5,22	5,75	5,75	5,75	5,75	5,74	5,74	5,22	5,75
QL12		3,81	3,65	3,51	3,42	3,33	3,26	3,35	3,26	3,81
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: $\geq 6,0$			Đạt mức B: $\geq 5,0$			Không đạt mức B: $< 5,0$		

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ trong tuần dự báo dao động từ 9,06 – 17,6 mg/l. Trong cả 2 tiểu vùng ngọt hoá, chuyển đổi, BOD₅ tiếp tục duy trì ở mức cao, vượt mức B nhiều lần cho thấy nước vẫn chịu tác động từ ô nhiễm hữu cơ. Các điểm như QL2, QL10 có mức BOD₅ cao trên 15 mg/l, phản ánh tình trạng chất lượng nước vẫn còn ô nhiễm hữu cơ nặng.

Bảng 3: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 11/06÷17/06/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		04/06	05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	10,40	10,73	10,97	11,07	11,05	10,96	10,83	10,40	11,07
QL2		15,17	15,06	15,12	15,22	15,40	16,04	15,12	15,06	16,04
QL8		12,15	12,04	11,94	11,85	11,82	11,93	12,22	11,82	12,22
QL9		12,59	11,76	11,49	11,79	12,15	12,21	12,68	11,49	12,68
QL13		12,78	12,85	13,01	13,59	14,21	14,68	14,88	12,78	14,88
QL3	Chuyển đổi	13,13	13,14	13,32	13,68	14,08	14,58	15,08	13,13	15,08
QL4		14,13	14,91	14,93	14,85	14,92	14,93	14,29	14,13	14,93
QL5		11,71	11,62	11,50	11,35	11,20	11,09	11,05	11,05	11,71
QL6		13,42	13,46	13,68	13,94	13,94	14,20	14,56	13,42	14,56
QL7		11,21	11,13	10,96	10,82	10,73	10,88	11,14	10,73	11,21
QL10		17,60	15,90	14,37	13,62	13,39	13,44	13,54	13,39	17,60
QL11		9,06	9,17	9,23	9,29	9,36	9,46	9,58	9,06	9,58
QL12		14,08	13,77	13,48	13,26	13,13	13,05	13,08	13,05	14,08
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: ≤ 4			Đạt mức B: ≤ 6		Không đạt mức B: > 6			

2.4. Tổng Nito (TN)

Giá trị TN trong tuần dao động từ 1,03 - 3,08 mg/l, tiếp tục giảm so với tuần trước. Tuy nhiên, hầu hết các vị trí trong vùng HTTL đều có nồng độ ô nhiễm tổng Nito vượt mức B, hầu hết các vị trí đều có nồng độ TN cao vượt ngưỡng mức B theo QCVN08/2023, đặc biệt tại điểm QL2, QL3 và QL6 có nồng độ TN cao $> 3\text{mg/l}$ tại một vài thời điểm trong tuần.

Bảng 4: Giá trị dự báo TN tại các điểm giám sát từ 11/06÷17/06/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		04/06	05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	Min	Max

QL1	Ngọt hóa	2,05	2,16	2,42	2,63	2,75	2,79	2,81	2,05	2,81
QL2		2,68	2,72	2,75	2,78	2,81	2,91	3,05	2,68	3,05
QL8		1,48	1,48	1,48	1,50	1,54	1,61	1,70	1,48	1,70
QL9		1,16	1,14	1,14	1,14	1,14	1,12	1,10	1,10	1,16
QL13		2,18	2,26	2,32	2,34	2,28	2,18	2,09	2,09	2,34
QL3	Chuyển đổi	3,08	3,04	2,97	2,90	2,85	2,81	2,81	2,81	3,08
QL4		1,92	1,89	1,86	1,82	1,79	1,78	1,79	1,78	1,92
QL5		1,33	1,38	1,44	1,51	1,54	1,53	1,45	1,33	1,54
QL6		2,92	2,86	2,83	2,86	2,94	3,00	3,05	2,83	3,05
QL7		1,78	1,65	1,50	1,45	1,83	2,00	2,16	1,45	2,16
QL10		2,81	2,72	2,65	2,61	2,61	2,65	2,74	2,61	2,81
QL11		1,19	1,22	1,28	1,30	1,28	1,23	1,15	1,15	1,30
QL12		1,22	1,09	1,03	1,04	1,10	1,20	1,36	1,03	1,36
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: ≤ 0,6			Đạt mức B: ≤ 1,5			Không đạt mức B: > 1,5		

Khuyến cáo: Trong thời gian dự báo, độ mặn có xu hướng giảm so với tuần trước, đặc biệt tại vị trí QL10 có độ mặn thấp chưa bảo đảm cấp nước NTTS. Nồng độ Oxy hoà tan ở mức thích hợp cho SXNN, vẫn cần theo dõi thêm tại QL1 và QL12 có DO thấp có thể ảnh hưởng đến chất lượng nước sản xuất nông nghiệp và sinh thái thủy sinh. Ô nhiễm hữu cơ duy trì ở mức cao tại tất cả các vị trí, hầu hết vượt quy chuẩn từ 1,5 – 3 lần. Ô nhiễm Tổng Nito dù đã giảm so với đầu năm, nhưng vẫn chưa đạt được mức B QCVB08:2023 tại nhiều vị trí.

Nơi nhận

Lãnh đạo Bộ (để b/c);

- Lãnh đạo Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);

Lưu TT TNB&ĐB


VIỆN TRƯỞNG
Phạm Văn Tùng